



Vần & Cách Ráp Âm Trong Tiếng Việt

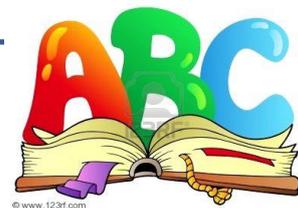


Biên soạn: Trần ngọc Dung

TRƯỜNG NGÔN NGỮ & VĂN HÓA VIỆT TÂY ÚC
2016

MỤC LỤC

- A. MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA CĂN BẢN
- B. DẤU THANH
- C. NGUYÊN ÂM
- D. PHỤ ÂM
- E. CÁCH TẠO VẦN
- F. CÁCH TẠO TỪ
- G. CÁCH RÁP ÂM
- H. TÓM TẮT



A. MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA CĂN BẢN

- **CHỮ CÁI**, gọi tắt là **Chữ** (letter): là đơn vị ký hiệu để ghi âm trong một hệ thống ngôn ngữ.
Tiếng Việt có 29 chữ cái. A, Ă, Â, B, C, D, Đ, E, Ê, G, H, I, K, L, M, N, O, Ô, Ơ, P, Q, R, S, T, U, Ư, V, X, Y.
- **NGUYÊN ÂM**: còn gọi là CHÁNH ÂM⁽⁶⁾ là chữ tạo nên âm của từ, gồm có: i /y, u, u, ê, ơ, â, ô, e, a, ă, o.
- **PHỤ ÂM**:
 - **PHỤ ÂM ĐẦU**: Phụ âm đứng phía trước gồm: **B, C, CH, D, Đ, G (GH), GI, H, (K), KH, L, M, N, NH, NG (NGH), PH, Q (U), R, S, T, TH, TR, V, X.**
 - **PHỤ ÂM CUỐI**: Phụ âm đứng sau cùng: **c - ch - m - n - nh - ng - p - t**
- **TỪ** (word) là một đơn vị nhỏ nhất của ngôn ngữ, do nhiều chữ (letters) và dấu hợp lại, có ý nghĩa và dùng để đặt thành câu.
Từ bao gồm Từ Đơn và từ Ghép (Từ Kép hay Từ Đôi).
 - **TỪ ĐƠN**: *ba, bà, ông, mẹ.*
 - **TỪ GHÉP** gồm có hai từ ghép lại: *gia đình, chậm chạp, tiến bộ.*
- **ÂM** hay gọi là **TIẾNG**: đơn vị phát âm nhỏ nhất trong ngôn ngữ.
- **VẦN**: Phần chủ yếu tạo nên âm của từ.
- **ĐÁNH VẦN**: (spelling) là dùng để VIẾT, đọc tên **các chữ** theo đúng thứ tự viết trong từ đó kèm theo **dấu** (nếu từ đó có dấu)
- **RÁP ÂM** (pronunciation) là dùng để ĐỌC : nối liền các âm lại, đọc nhanh, để phát ra thành tiếng. Mục đích giúp cho học sinh **đọc đúng và nhanh** tiếng Việt.

Thí dụ:

- Từ **NHUẬN** khi **đánh vần để Viết** sẽ là: *EN-NỜ-HÁT, U, Ớ, EN-NỜ, DẤU NẶNG.*
- Từ **NHUẬN** khi **RÁP âm để ĐỌC** sẽ là *NHU-ẬN*

B. DẤU THANH

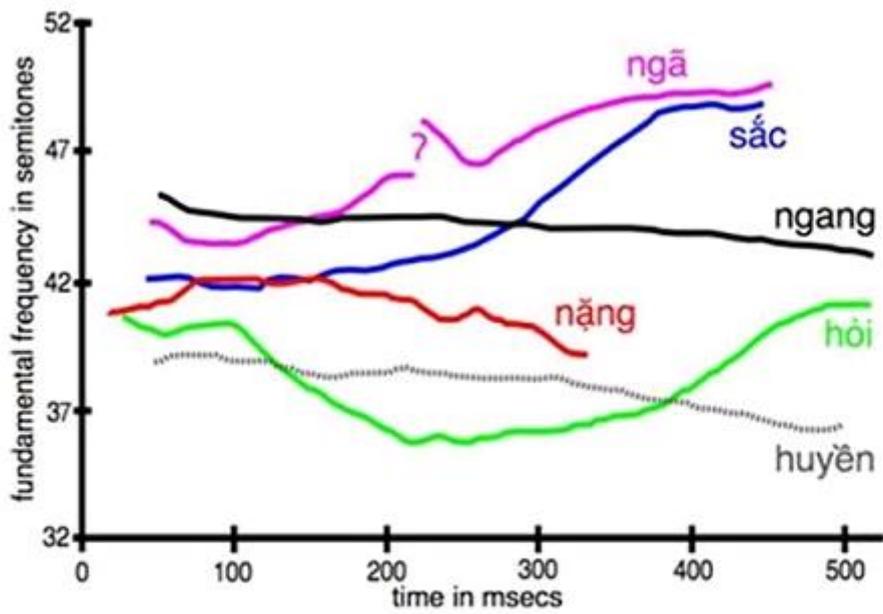
					Dấu ngang
sắc	huyền	hỏi	ngã	nặng	Không dấu
/ ' /	/ ` /	/ ? /	/ ~ /	/ . /	

DẤU THANH (dấu giọng) hay thường gọi tắt là **Dấu**, là phần đặc biệt và quan trọng nhất của ngôn ngữ Việt Nam. Khi nghe người Việt Nam nói chuyện, vì có dấu, nên người ngoại quốc có cảm tưởng như chúng ta đang hát.

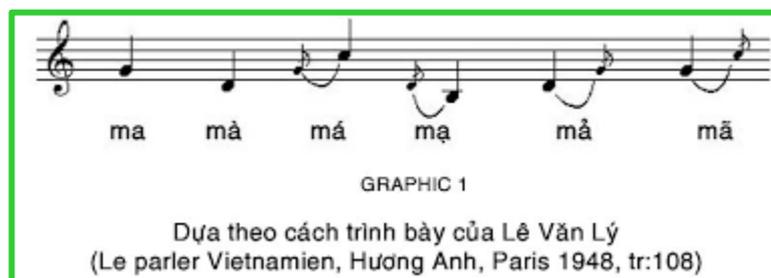
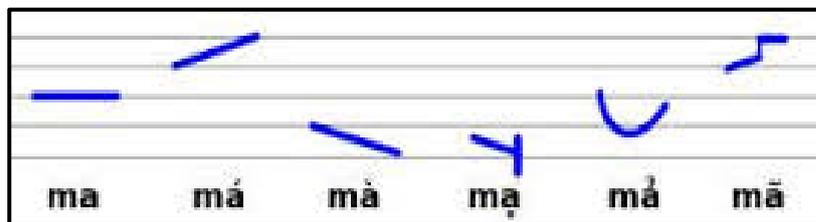
Để giúp học sinh có thể nói và viết đúng tiếng Việt, xin giáo viên khi dạy phải hết sức chú ý nhấn mạnh phần dấu. Cách phát âm của dấu cũng tương tự như hình thể của dấu. Ở những lớp nhỏ, giáo viên khi đọc từ có dấu phải kèm theo diễn xuất để học sinh dễ nhận dấu.

Thí Dụ: khi đọc từ hay chữ có:

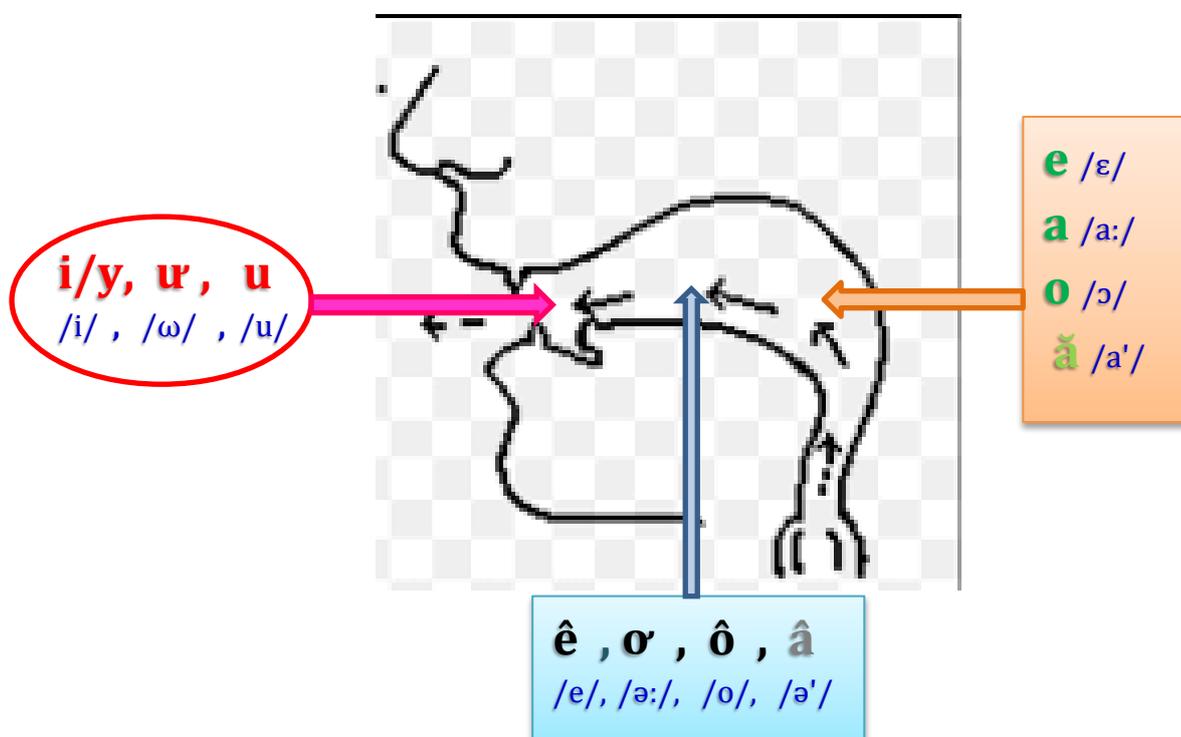
- **dấu sắc**  cổ phải rướn cao lên,  thí dụ: **má**
- **dấu huyền**  giọng hơi trầm xuống và kéo dài  thí dụ: **mà**
- **dấu hỏi**   (**thấp và dài**) thí dụ: **mả**
- **dấu ngã**   (**cao và ngắn**) thí dụ: **mã**
- **dấu nặng**  đầu cúi gằm xuống  thí dụ: **mạ**
- **dấu ngang** (không dấu) âm phẳng, thí dụ: **ma**



VIETNAMESE TONES



C. NGUYÊN ÂM (xếp theo ngữ học)⁽¹⁾



- Nguyên âm còn gọi là Chánh Âm⁽⁶⁾ là ký tự **tạo nên âm** của từ.
- Nguyên âm có thể đứng một mình hay ghép với những chữ khác để tạo ra từ có nghĩa.
 1. Đứng một mình: té **u** đầu.
 2. Đứng trước + phụ âm: **anh em** , **an ủi**.
 3. Đứng giữa + phụ âm: **con chim non**.
 4. Đứng cuối: **Mẹ cho Thu đi chợ**.
- Nguyên âm là chữ mà khi phát âm hai môi không chạm nhau, chỉ có gió thoát ra mà thôi.
- Nguyên âm có tên gọi và âm đọc giống nhau.
- Tiếng Việt có **15 nguyên âm** được chia ra:
 1. 10 Nguyên Âm Đơn: **i, y, ư, u, ê, ơ, ô, e, a, o**.
 2. 05 bán Nguyên Âm: *không thể đứng một mình hay đứng cuối một từ, mà phải có phụ âm cuối đi theo (ấp - ằm - ương - iêng - uổng)*
 - 2 bán nguyên âm đơn: **ă, â**.
 - 3 bán nguyên âm kép⁽²⁾: **iê/yê, uô, ơơ**. Sau khi đã tạo ra từ có nghĩa, thì nó không thể chia ra để phát âm (thí dụ **uổng**, không thể tách ra thành **u-ổng**, vì khi đọc nhanh **u+ổng** ta sẽ không nghe được từ **uổng**).

(bà **tiên** **luôn** **thương** **yêu** trẻ)
Cách Đọc Nguyên Âm Khi Thêm Dấu

(THỨ TỰ CỦA CÁC NGUYÊN ÂM ĐƯỢC SẮP XẾP THEO NGŨ HỌC)

	/	\	?	~	.
i - y /i/	í - ý /i'/	ì - ÿ /i`/	ỉ - ỷ /i²/	ĩ - ã /i~/	ị - ỵ /i./
u /u/	ú /u'/	ù /u`/	ủ /u²/	ũ /u~/	ụ /u./
ư /u/	ứ /u'/	ừ /u`/	ử /u²/	ữ /u~/	ự /u./
ê /e/	ế /e'/	ề /e`/	ẻ /e²/	ễ /e~/	ệ /e./
ơ /ə:/	ớ /ə':/	ờ /ə`:/	ở /ə²:/	ỡ /ə~:/	ợ /ə./
ô /o/	ố /o'/	ồ /o`/	ở /o²/	ỗ /o~/	ộ /o./
e /ɛ/	é /ɛ'/	è /ɛ`/	ẻ /ɛ²/	ễ /ɛ~/	ệ /ɛ./
a /a:/	á /a':/	à /a`:/	ả /a²:/	ã /a~:/	ạ /a./
o /ɔ/	ó /ɔ'/	ò /ɔ`/	ở /ɔ²/	ỗ /ɔ~/	ộ /ɔ./

D. PHỤ ÂM



- Phụ âm tự nó không có nghĩa mà phải có nguyên âm đi kèm theo.
- Phụ âm là tử âm⁽³⁾, có nghĩa là không thể phát ra trọn âm. Trong quá trình phát âm, âm phát ra từ thanh quản qua miệng, lên môi sẽ bị cản trở do lưỡi va chạm môi hay răng hoặc 2 môi va chạm nhau.
- **Phụ âm đầu** là phụ âm đứng trước nguyên âm gồm:
 - **Phụ âm đơn:** B, C, D, Đ, G (GH), H, K, L, M, N, R, S, T, V, X.
 - **Phụ âm kép:** Ch, Gi, Kh, Nh, Ng (Ngh), **Ph, Qu, Th, Tr.**
Riêng P và Q không thể đứng riêng một mình mà P luôn luôn kèm với H để thành **Ph** (đọc là phơ) và Q phải có U đi theo sau để thành **Qu** (đọc là quơ)
- **Phụ âm cuối** là những phụ âm đứng sau nguyên âm:
c - ch - m - n - nh - ng - p - t.
Thí dụ: Em thích ăn bánh **chưng**.

CÁCH PHÁT ÂM PHỤ ÂM

B **C** **Ch** **D** **Đ** **G/Gh**
bơ /bə:/ cơ /kə:/ chơ /çə:/ dơ /zə:/ /jə:/ đơ /də:/ gơ /ʒə:/

Gi **H** **K** **Kh** **L** **M** **N**
giơ /dʒə:/ hơ /hə:/ cơ /kə:/ khơ /kʰə:/ lơ /lə:/ mơ /mə:/ nơ /nə:/

Ng/Ngh **Nh** **Ph** **Qu** **R** **S**
ngơ /ŋə:/ nhơ /ɲə:/ phơ /fə:/ quơ /kwə:/ rơ /zə:/ sơ /sə:/

T **Th** **Tr** **V** **X**
tơ /tə:/ thơ /tʰə:/ trơ /tʁə:/ vơ /və:/ xơ /sə:/

***** để giúp các em học sinh ở hải ngoại có thể học và đọc tiếng Việt dễ dàng, một số nhà ngôn ngữ đã thay đổi cách phát âm của những phụ âm, thay vì đọc là bờ - cờ như ngày xưa chúng ta đã học ở VN, các em sẽ đọc là **bơ - cờ**⁽⁴⁾.

BẢNG PHÂN BIỆT TÊN VÀ ÂM CỦA PHỤ ÂM				
	CHỮ VIẾT	TÊN GỌI	ÂM ĐỌC	PHIÊN ÂM
1	B , b	bê (bê bò)	bơ	/bə:/
2	C , c	xê	cờ	/kə:/
3	D , d	đê	đơ	/zə:/
4	Đ , đ	đê	đơ	/d̥ə:/
5	G , g	jê	gờ	/ʒə:/
6	H , h	hát	hơ	/hə:/
7	K , k	ca	cờ	/kə:/
8	L , l	e-lờ	lơ	/lə:/
9	M , m	em-mờ	mơ	/mə:/
10	N , n	en/anh-nờ	nờ	/nə:/
11	R , r	e-rờ	rờ	/ʒə:/
12	S , s	ét-sờ	sờ	/sə:/
13	T , t	tê	tờ	/tə:/
14	V , v	vê	vờ	/və:/
15	X , x	ích-xì	xờ	/sə:/
16	Ch , ch	xê-hát	chờ	/çə:/
17	Gi , gi	jê-i	giờ	/dʒ ə:/
18	Gh , gh	jê-hát	gờ	/ʒə:/
19	Kh , kh	ca-hát	khờ	/k ^h ə:/
20	Nh , nh	en-nờ-hát	nhờ	/nə:/
21	Ng , ng	en-nờ-jê	ngờ	/ŋə:/
22	Ngh , ngh	en-nờ-jê-hát	ngờ	/ŋə:/
23	Ph , ph	pê (bê phờ)-hát	phờ	/fə:/
24	Qu , qu	cu-u	quờ	/kwə:/
25	Th , th	tê-hát	thờ	/t ^h ə:/
26	Tr , tr	tê-e-rờ	trờ	/t̥ə:/

- Khi **ĐỌC**, (pronunciation) người ta phát ra **ÂM** và **RÁP** những **ÂM** (hay vần) trong từ để tạo thành **TIẾNG** của một từ.
- Khi **VIẾT** (chính tả) người ta **ĐÁNH VẦN** (spelling) bằng cách **ĐỌC TÊN** các **CHỮ** theo thứ tự có trong từ đó và cuối cùng là **DẤU** nếu có.

Đánh vần chính tả cũng giống như cách spelling của Pháp, Anh. Nhưng đặc biệt tiếng Việt có thêm 5 thanh dấu rất cần viết đúng, nên sau khi đọc tên các chữ trong từ, cần cho biết dấu thanh của từ đó (sắc, huyền hỏi, ngã, nặng, không dấu).

Dấu thanh nên đặt phía trên của nguyên âm đã tạo ra âm của từ đó, thường là nguyên âm cuối.

Từ	ĐÁNH VẦN (spelling) Đọc tên từng chữ để Viết Chính Tả	RÁP ÂM (pronunciation) Ráp hai âm để Đọc
Ba	Bê, a	B(ơ)-a
Cần	Xê, â, en-nờ, dấu nặng	C(ơ)-ần
Thầy	Tê, hát, ớ, i dài, dấu huyền	Th(ơ)-ầy
Thỏa	Tê, hát, o,a, dấu hỏi	Th(ơ)o-ả
Việt	Vê, i, ê, tê, dấu nặng	V(ơ)-iệt
Khuyết	Ca, hát, u, i dài, ê, tê, dấu sắc	Khu-yết

E. CÁCH TẠO VẦN

VẦN: là phần chủ yếu để tạo nên **âm** trong tiếng Việt, không kể phụ âm đầu.

Dựa vào cách cấu tạo của vần, chúng ta có thể chia vần thành hai loại:

A. **VẦN ĐƠN GIẢN** : chỉ chứa **MỘT NGUYÊN ÂM** trong vần

1. **Vần Đơn Giản ① hay Vần Nguyên Âm (có dấu hay không dấu)**

- Mỗi nguyên âm trừ â và ă (có dấu và không dấu) là một vần: **e, a, o, ê, ơ, ô, i/y, u, u**
- Tất cả những vần này tự nó có thể là từ (có nghĩa) mà không cần có phụ âm đứng đầu.

Thí dụ: **E** dè – cái **ô** (dù) – bán **ế**.

2. Vận Đơn Giản ②: Nguyên âm (có dấu hay không dấu) + phụ âm cuối (c, ch, m, n, ng, nh, p, t). Ngày xưa gọi là vần NGƯỢC.

Thí dụ : an – em – et – ót – inh – ach ...

- Một số những vần này tự nó đã là từ (có nghĩa) mà không cần có phụ âm đầu.

Thí dụ: **anh em ăn ốc.**

BẢNG THÀNH LẬP VẦN ĐƠN GIẢN LOẠI ② KHÔNG DẤU

	c	ch	m	n	ng	nh	p	t
i	ic	ich	im	in		inh	ip	it
y	không tạo được vần khi kết hợp với phụ âm cuối							
ư	ưc			ưn	ưng			ưt
u	uc		um	un	ung		up	ut
ê		êch	êm	ên		ênh	êp	êt
ơ			ơm	ơn			ơp	ơt
â	âc		âm	ân	âng		âp	ât
ô	ôc		ôm	ôn	ông		ôp	ôt
e	ec		em	en	eng		ep	et
a	ac	ach	am	an	ang	anh	ap	at
ă	ăc		ăm	ăn	ăng		ăp	ăt
o	oc		om	on	ong		op	ot

B. VẦN PHỨC TẠP: có NHIỀU HƠN MỘT NGUYÊN ÂM.

Gồm có Vần Hòa Âm và Vần Hợp Âm.

1. Vần Hòa âm:

Hai nguyên âm kết hợp tạo ra một âm mới và âm mới này sẽ mang âm hưởng của một trong hai nguyên âm. Nếu có dấu thì dấu sẽ nằm phía trên nguyên âm đã tạo ra vần đó. Nhưng thường chúng ta có thói quen đặt dấu trên nguyên âm đứng giữa để nhìn cân xứng. (Hôi thú*í* và tên Thu*ý*)

Thí dụ:

- O + E = OE Vần OE khi đọc lên sẽ mang âm hưởng của E.
- I + A = IA Vần IA khi đọc sẽ có âm hưởng của I.

- $Ư + A = ƯA$ Vần ƯA khi đọc sẽ có âm hưởng của Ư.

Những vần hòa âm gồm : **eo - ao - ai - oe - oa - oi - êu - ơi - ôi - ia - iu - ưa - ưi - ưu - ua - uê - ui - uy.**

2. Vần Hợp Âm

- a) Loại ①: Hai nguyên âm hợp với nhau tạo thành một VẦN có **âm mới hoàn toàn khác** với các âm của chữ đã tạo ra nó như: **ay - ây - au - âu.**

Thí dụ:

- $A + Y = AY$ Vần AY khi đọc lên sẽ không có âm A hay âm Y.
- $Â + U = ÂU$ Vần ÂU khi phát âm sẽ không còn âm hưởng của âm Â hay U.

- b) Loại ②: Hai nguyên âm kết hợp tạo ra vần có **âm mới nhưng không đọc được (oă_, uâ_, iê_, yê_, ươ_, uô_)** mà cần **phải kèm theo phía sau một phụ âm cuối** hoặc một nguyên âm nữa thì mới có thể đọc được.
(oă_, uâ_ là vần; vì sau khi tạo thành từ, ta có thể chia ra để đọc: LU/ẬT)

	i	u	c	m	n	p	t	ng
oă_			oăc	oăm	oăn		oăt	oăng
uâ_					uân		uât	uâng
iê_		iêu	iêc	iêm	iên	iêp	iêt	iêng
yê_		yêu		yêm	yên			
uô_	uôi		uôc	uôm	uôn		uôt	uông
ươ_			ươc	ươm	ươn	ươp	ươt	ương

BẢNG THÀNH LẬP VẦN HÒA ÂM VÀ HỢP ÂM KHÔNG DẤU

	e	a	ă (á)	o	ê	ơ	â (ớ)	ô	i	y	ư	u
e				eo								
a				ao					ai	ay		au
ă (á)												
o	oe	oa	oă-						oi			
ê												êu
ơ									oi			
â (ớ)										ây		âu
ô									ôi			

i		ia			iê-						iu
y					yê-						
ư		ura				ươ-			uri		uru
u		ua			uê		uâ-	uô-	ui	uy	

E. CÁCH TẠO TỪ

Từ (words) có thể được tạo ra bằng 5 cách sau đây:

1. **Từ = vần Nguyên âm** (có dấu hay không dấu)

Tất cả những vần e, a, o, ê, ơ, ô, i/y, ư, u (có dấu hay không dấu) tự nó có thể là từ (có nghĩa).

Thí dụ: bán ế - chim ó - ợ hơi.

2. **Từ = Phụ Âm Đầu + Vần Đơn Giản ①** [NGUYÊN ÂM (dấu hay không dấu)]

Thí dụ: CHA, MẸ, NHÀ.

3. **Từ = Phụ Âm Đầu + Vần Đơn Giản ②** [NGUYÊN ÂM (dấu hay không dấu) + PHỤ ÂM CUỐI]

Thí dụ: LÀNG XÓM - BỨC TRANH - BẾP NÚC.

4. **Từ = Phụ âm đầu + Vần HÒA ÂM** (dấu hay không dấu) ±PHỤ ÂM CUỐI

Thí dụ: HÒA giải - HOÀNG OANH - HUÊNH HOANG.

5. **Từ = Phụ âm đầu+ Vần HỢP ÂM** (dấu hay không dấu) gồm có 2 loại:

A. **Từ = Phụ Âm Đầu + Vần Hợp Âm loại ①: AY - ÂY - AU - ÂU** (dấu hay không dấu)

Thí dụ:

- TAY chân - TAI nghe - TÂY Tạng
- Hòa TẤU - Cà MAU

B. **Từ = Phụ Âm Đầu ± (nguyên âm) + Vần Hợp Âm loại ②: oă, uâ, iê, yê, ươ, uô** (dấu hay không dấu) + **Phụ Âm Cuối**

Thí dụ:

- THOẢN THOẮT - LUẬT sư.
- con THUYỀN- NGHIÊNG ngã - TRƯỜNG học - CHUÔNG cộc

F. CÁCH RÁP ÂM ĐỂ ĐỌC

RÁP ÂM: học sinh sẽ ráp các âm trong từ theo thứ tự của chữ viết, rồi đọc nhanh để tạo nên tiếng của từ đó.

Sau đây là cách đọc tiếng Việt dựa vào sự cấu tạo của từ.

1. Từ = vần Nguyên âm (có dấu hay không dấu)

Cách đọc giống như **đọc nguyên âm** không dấu hay có dấu.

Thí dụ: hột é, hát ê a.

2. Từ = Phụ Âm Đầu + Vần Đơn Giản ① [NGUYÊN ÂM (dấu hay không dấu)]

Cách ráp âm để đọc sẽ theo đúng thứ tự giống như cách viết (**phụ âm-nguyên âm**). Nhưng **phụ âm** là **tử âm** (không phát ra đủ âm), nên ta không phát ra đủ âm *tơ, lơ, mơ*, mà chỉ **vừa mới phát ra âm đó thì ta đã nhập ngay với nguyên âm (âm chánh)** để tạo ra âm của từ.

Thí dụ: Ba : *b(o) - a* - Mẹ : *m(o) - ẹ* - Nhẹ : *nh(o)-ẹ*

			/	\	?	~	.
T t (<i>tơ</i>)	e	te	té	tè	tẻ	tễ	tệ
	a	ta	tá	tà	tả	tã	tạ
	o	to	tó	tò	tỏ	tõ	tộ
	ê	tê	tế	tề	tẻ	tễ	tệ
	ơ	tơ	tớ	tờ	tở	tỡ	tợ
	ô	tô	tố	tồ	tỏ	tõ	tộ
	i	ti	tí	tì	tỉ	tĩ	tị
	y	ty	tý	tỳ	tỷ	tỹ	tỵ
	ư	tư	tứ	từ	tử	tữ	tự
	u	tu	tú	tù	tủ	tữ	tụ

3. Từ = Phụ Âm Đầu + Vần Đơn Giản ② [NGUYÊN ÂM (dấu hay không dấu) + PHỤ ÂM CUỐI]

Muốn phát âm được từ này, các em chỉ cần biết phát âm đúng vần (có dấu hay không dấu), sau đó đọc nối nhanh phụ âm đầu và vần lại với nhau.

Thí dụ:

- Mát mẻ : M - ÁT : *m(o) - át*

- Chênh vênh : Ch - ÊNH : $ch(\sigma) - ênh$

Cũng giống như trên, muốn đọc từ MÁT, ta sửa soạn phát ra tiếng Mơ, nhưng chưa ra tiếng thì đã nhập vào âm ÁT để tạo ra âm của từ MÁT

4. **Từ = Phụ âm đầu + Vần HÒA ÂM** (dấu hay không dấu) ±PHỤ ÂM CUỐI

Với các vần hòa âm, việc đánh vần theo cách xưa thường gặp nhiều khó khăn. Thí dụ, làm sao chúng ta dạy cho trẻ Việt Nam lớn lên ở nước ngoài hay người ngoại quốc học tiếng Việt có thể đọc được những từ như: **khuây khỏa, suýt soát**

Muốn đọc được loại từ này, ta sẽ chia từ thành 2 phần:

- Phần 1: PHỤ ÂM + NGUYÊN ÂM Thứ nhất
- Phần 2: NGUYÊN ÂM thứ hai (± phụ âm cuối)

Thí dụ:

- LEO NÚI : **LE-O** ; **N(σ)-ÚI**
- CHIM HOÀNG OANH : **CH-IM** ; **HO-ÀNG**; **O-ANH**

*** vần **UI** có âm của chữ **U**, trong khi **UY** có âm của chữ **Y**, do đó khi ráp âm những từ có vần **UY**, chúng ta sẽ chia vần này thành 2 vần **U** và **Y**.

Thí dụ: **THÚI : THƠ-ÚI** ; **THÚY: THU-Ý** (Đáng lẽ dấu sắc phải nằm trên chữ Y nhưng để cho cân xứng người ta thường viết dấu sắc vào chữ U)

5. **Từ = Phụ âm đầu+ Vần HỢP ÂM** (dấu hay không dấu) gồm có 2 loại:

- A. Từ = Phụ Âm Đầu + Vần Hợp Âm loại ①: AI - AY - ÂY - AU - ÂU** (dấu hay không dấu). Cách đọc giống như với vần đơn giản ②.

Thí dụ:

- TAY chân = T(σ)-**AY** ; TAI nghe = T(σ)-**AI** ; TÂY Tạng = Tσ-**ÂY**
- Hòa TẤU = T(σ)-**ẤU** ; Cà MAU = M(σ)-**AU**

Chú ý đến sự khác biệt trong cách phát âm của các cặp vần **AY - ÂY** & **AI - AY** & **AO-AU**

- B. Từ = Phụ Âm Đầu ± (nguyên âm) + Vần Hợp Âm loại ②: oă, uă, iê, yê, ươ, uô** (dấu hay không dấu) + **Phụ Âm Cuối**

Theo thứ tự thời gian, từ **nguyễn** được đánh vần theo ít nhất bốn cách như sau⁽⁴⁾:

1. En-nờ, Giê, U, ngu, Y, nguy, Ê, nguê, En-nờ, nguyên, Ngã, nguyễn. (12 lần phát âm mới ra được tiếng nguyễn)
2. U, Y, Ê, Nờ, Uyên, Ngã, Uyễn. Ngờ, Uyễn Nguyễn. (10 lần, rút ngắn được 2 lần)
3. U, Y, Ê, Nờ, uyên, Ngã, uyễn. Ngơ-uyễn. (9 lần phát âm)

4. Uyên. Ngơ-uyên, ngã nguyên. (4 lần phát âm)

Ngày nay, theo nguyên tắc của cách RÁP ÂM, từ **Nguyên** sẽ được tách làm 2 phần, phần đầu là **ngu** và phần cuối là **yễn**; Nguyên = **ngu/yễn** = **ngu - yễn**. Học sinh chỉ cần ráp nhanh hai âm **ngu** và **yễn** để đọc ra từ **nguyên** (1 lần phát âm)

CÁCH ĐỌC TỪ CÓ NHIỀU NGUYÊN ÂM ⁽⁵⁾: chia từ ra 2 phần:

1) **Phần Đầu Có Vần Đơn Giản** ① (Vần Nguyên Âm)

2) **Phần Sau có Vần Đơn Giản** ② (Nguyên Âm + Phụ Âm Cuối) hay **Vần Hợp Âm**

Sau đó, Ráp Âm nhanh hai phần đó với nhau để làm thành tiếng của từ đó.

Thí Dụ:

TỪ	PHẦN ĐẦU	PHẦN SAU	RÁP ÂM ĐỂ ĐỌC
KHOẢNG	KH(ơ)-O	-ẢNG	KH(ơ)-O-ẢNG
KHUỖU	KH(ơ)-U	-ỠU	KH(ơ)-U-ỠU
NGUYỆT	NG(ơ)-U	-YỆT	NG(ơ)-U-YỆT

TRẦN NGỌC DUNG © (08/2016)

Nói tóm lại, để đọc bất cứ từ tiếng Việt nào chúng ta có thể chia từ ra làm hai âm, rồi ráp liền 2 âm đó để đọc ra âm của từ ngay. Đó là cách đánh vần nhanh và gọn.

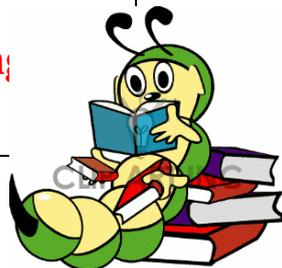
Khi nắm vững cách ráp âm, học sinh sẽ phát âm chuẩn và cũng sẽ viết đúng kể cả những từ có vần hòa âm, như oan, hoa, hoàng, hoạch huênh, khúc khuỷu...

Lợi điểm của cách Ráp Âm mới này trong việc đọc tiếng Việt :

1. **Rút ngắn thời gian học**: các em không cần phải học vần phức tạp như oát – uất
2. **Phát âm rõ ràng** hơn như Loan là **Lo-an** chứ không phải là Lon.
3. **Tự tin khi đọc tiếng Việt**, khi gặp từ khó, chưa học bao giờ, các em có thể tự mình chia từ đó ra thành những vần đơn giản để các em có thể đọc được.
4. **Viết đúng tiếng Việt**: cùng với nguyên tắc này, khi nghe đọc một từ nào đó, các em có thể áp dụng cách chia từ này để viết đúng tiếng Việt.
5. **Thích học tiếng Việt** hơn: Vì cách Ráp Âm giống với cách đọc, viết tiếng Anh mà các em xử dụng hằng ngày, nên các em sẽ thấy tiếng Việt gần gũi hơn.

**BẢNG SO SÁNH CÁCH RÁP ÂM (kiểu mới)
& ĐÁNH VẦN (kiểu xưa) & ĐÁNH VẦN CHÍNH TẢ**

THÍ DỤ	RÁP ÂM ĐỌC (kiểu mới)	ĐÁNH VẦN để ĐỌC (kiểu xưa)	ĐÁNH VẦN để VIẾT CHÍNH TẢ (đọc tên chữ)
CÁ	C(ơ)-á	<ul style="list-style-type: none"> cờ-a-ca-sắc-cá 	<ul style="list-style-type: none"> XÊ, A, DẤU SẮC.
CẶP DA	C(ơ)-ặ d(ơ)-a	<ul style="list-style-type: none"> cờ-ă(ớ)-cớ-pờ-cặp-nặng-cặ dờ-a-đá 	<ul style="list-style-type: none"> XÊ, Â, Pphờ, DẤU NẶNG. DÊ, A.
HOA HUỆ	h(ơ)-o-a h(ơ)-u-ệ	<ul style="list-style-type: none"> Hờ-o-ho-a-hoa Hờ-u-hu-ê-huê-nặng-huệ 	<ul style="list-style-type: none"> HÁT, O, A HÁT, U, Ê, DẤU NẶNG
THUẬN THẢO	th(ơ)-u-ậ th(ơ)-ảo	<ul style="list-style-type: none"> thờ-u-thu-â(ớ)-thuâ-nờ-thuân-nặng-thuậ. thờ-a-tha-o-thao-hỏi-thảo 	<ul style="list-style-type: none"> TÊ, HÁT, U, Â, EN-NỜ, DẤU NẶNG TÊ, HÁT, A, O, DẤU HỎI.
HUÊNH HOANG	H(ơ)-u-ênh H(ơ)-o-an;	<ul style="list-style-type: none"> Hờ-u-hu-ê-huê-nhờ-huênh no-hoa-ngờ-; ; 	<ul style="list-style-type: none"> HÁT,U,Ê, EN-NỜ,HÁT. HÁT,O, A, EN-NỜ, JIÊ



<p>NGOẪNG NGOÈO</p>	<p>Ng(ơ)-o-ẫng Ng(ơ)-o-èò</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Ngờ-o-ngo-ẫ- ngoẫ-ngờ-ngoẫng- huyền-ngoẫng • Ngờ-o-ngo-e- ngoe-o-ngoèò- huyền-ngoèò 	<ul style="list-style-type: none"> • EN-NỜ, JIÊ, O, A, EN-NỜ, JIÊ, DẤU HUYỀN • EN-NỜ, JIÊ, O, E, O, DẤU HUYỀN
---------------------------------------	---	--	---

TÓM TẮT

Các loại vần trong tiếng Việt là:

1. **Vần Đơn Giản ①** hay **Vần Nguyên Âm**: **i/y, ư, u, ê, ơ, ô, e, a, o,**
2. **Vần Đơn Giản ②** (nguyên âm + phụ âm cuối) **anh = a+nh; em = e+m;**
3. **Vần Hoà Âm**: (nguyên âm + nguyên âm) (hai nguyên âm ráp lại tạo ra một âm trộn lại (hoà âm), khi đọc sẽ có âm của một trong hai nguyên âm tạo ra nó) **eo - ao - ai - oe - oa - oi - êu - oí - ôi - ia - iu - ưa - ưi - ưư - ua - uê - ui - uy.**
4. **Vần Hợp Âm**: (nguyên âm + nguyên âm)
 - hai nguyên âm ráp với nhau tạo ra một âm hoàn toàn mới **ay -ây -âu - au**
 - hai nguyên âm ráp với nhau nhưng **không đọc được mà phải thêm vào phía sau một nguyên âm hay một phụ âm cuối nữa** **oẫ, uẫ, iê, yê, ươ, uô,**

*** Như thế để có thể học đọc và viết tiếng Việt nhanh và chuẩn, người học cần phải nắm vững:

1. **Cách đọc các Nguyên Âm** không dấu và có dấu (*sắc - huyền - hỏi - ngã - nặng*).
2. **Cách đọc các Phụ Âm**: **b(ơ), c(ơ), đơ(ơ)**...
3. **Cách đọc các vần đơn giản ②** (nguyên âm + phụ âm cuối) không dấu và có dấu.
4. **Biết cách chia từ có chứa NHIỀU NGUYÊN ÂM** thành hai phần. Dấu sẽ nằm trên nguyên âm của phần sau.

TỪ (nhiều nguyên âm) = **[phụ âm đầu + nguyên âm] + [vần đơn giản/vần hợp âm]**

- (1) VĂN TIẾNG VIỆT – TIẾN SĨ BỬU KHẢI 2010 Ph D, Harvard University, Emeritus Professor in Linguistics, Curtin Uni
- (2) CỐ GIÁO SƯ NGUYỄN ĐÌNH HÒA (KHOA TRƯỞNG ĐẠI HỌC VĂN KHOA SAIGON 1957-1958)
- (3) (4) (5) (6) QUỐC NGỮ LUU VONG – ĐÁNH VĂN TIẾNG VIỆT - NGUYỄN PHƯỚC ĐÁNG, CALIFORNIA 2002
- HỆ THỐNG VĂN VIỆT NGỮ - NGUYỄN ĐỒNG DANH - Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Đồng Nai Cửu Long – Úc Châu
- CHỮ VÀ ÂM TRONG TIẾNG VIỆT - NGUYỄN ĐỒNG DANH 2008
- TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH – Trung Tâm Việt Ngữ Đắc Lộ 2015